

**KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg; Quyết định số 46/2015/QĐ-TT ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ định quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Gia Lai đến năm 2020”, đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động nông thôn (LĐNT) và yêu cầu của thị trường lao động.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất công nghệ cao và an sinh xã hội nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu LĐNT, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học.

II. NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ

Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho khoảng 3.200 người, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số chiếm ít nhất 80%; lao động nữ chiếm ít nhất 35%; tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt tối thiểu 80%.

2. Đối tượng học nghề

- Người học là phụ nữ, LĐNT, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm.

- LĐNT từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã.

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

3. Danh mục nghề và mức chi phí đào tạo và cấp trình độ đào tạo

Danh mục nghề và mức chi phí đào tạo cho từng nghề và cấp trình độ đào tạo theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc phê duyệt Danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Kinh phí, số lượng và địa bàn hỗ trợ đào tạo

Kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020, dự toán nhu cầu 7.563.000.000 đồng để hỗ trợ đào tạo cho 3.200 người đối với các nghề theo danh mục tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh, địa bàn phân bổ như sau:

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
		Kinh phí (ngàn đồng)	Dự kiến số người (trung bình)	
TỔNG SỐ:		7,563,000	3.200	
1	Huyện Kbang	650,000	275	
2	Huyện Mang Yang	790,000	334	
3	Huyện Krông Pa	450,000	190	
4	Huyện Đức Cơ	520,000	220	
5	Huyện Đak Đoa	500,000	212	
6	Huyện Chư Prông	650,000	275	
7	Thị xã Ayun Pa	270,000	114	

8	Huyện Ia Grai	650,000	275	
9	Huyện Chư Păh	500,000	212	
10	Huyện Chư Sê	473,000	200	
11	Huyện Chư Pưh	330,000	140	
12	Huyện Kông Chro	370,000	157	
13	Huyện Ia Pa	220,000	93	
14	Huyện Phú Thiện	270,000	114	
15	Thị xã An Khê	220,000	93	
16	Huyện Đak Pơ	350,000	148	
17	Thành phố Pleiku	350,000	148	

Ngoài kinh phí hỗ trợ của ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND các huyện, thị xã, thành phố trích ngân sách địa phương và các nguồn lực khác để đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 trên địa bàn.

5. Nguyên tắc và chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

- Người học đăng ký tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được lựa chọn nghề học, cơ sở đào tạo. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo tổ chức khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì UBND cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Kế hoạch này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Ngoài việc được hỗ trợ chi phí học nghề, LĐNT thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm được hỗ trợ tiền ăn với mức 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 05 km trở lên.

6. Hình thức hỗ trợ đào tạo

- Trường hợp người học đăng ký học tại các cơ sở đào tạo là đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

+ Hỗ trợ thông qua hình thức giao nhiệm vụ giữa UBND các huyện, thị xã, thành phố cho cơ sở đào tạo công lập trực thuộc. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật;

+ Hỗ trợ thông qua hình thức đặt hàng giữa cơ quan, đơn vị được UBND các huyện, thị xã, thành phố giao nhiệm vụ và cơ sở đào tạo công lập không phải là đơn vị trực thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ theo quy định tại Chương III Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

- Trường hợp người học đăng ký học tại các cơ sở đào tạo ngoài công lập hoặc doanh nghiệp đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp: hỗ trợ thông qua hình thức đặt hàng giữa UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ sở đào tạo ngoài công lập hoặc doanh nghiệp theo quy định về đặt hàng đào tạo.

- Riêng đối với trường hợp người học là người khuyết tật, UBND các huyện, thị xã, thành phố ký hợp đồng đào tạo với các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh có Đề án tổ chức dạy nghề gắn với việc làm cho người khuyết tật.

- Cơ sở đào tạo hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng có trách nhiệm thanh toán tiền ăn, đi lại cho người học theo quy định.

- Trường hợp người lao động tự ý nghỉ học, bỏ học hoặc buộc thôi học, cơ sở đào tạo hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề, thực hiện giảm trừ các chi phí trực tiếp cho học viên như: nguyên, nhiên, vật liệu học nghề, tiền ăn trong thời gian người học nghỉ học và tiền đi lại (lướt về).

7. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Kiểm tra điều kiện đào tạo nghề cho LĐNT của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định; hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng theo quy định.

- Thông báo công khai kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho LĐNT; tuyên truyền về đào tạo nghề, tạo việc làm đối với LĐNT.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh.

- Mua sắm thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phê duyệt theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn

sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 để nâng cao năng lực đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho giáo viên và người dạy nghề cho LĐNT để bổ sung năng lực đào tạo cho các trung tâm mới được thành lập.

- Chủ trì, đồng đốc các địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề, việc làm cho LĐNT; đẩy mạnh việc lồng ghép Đề án đào tạo nghề cho LĐNT với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và chính sách tái hòa nhập cộng đồng cho người mãn hạn tù hoặc tha tù trước thời hạn trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT; triển khai thực hiện các khoản a, b, c, d, đ, e, g Mục 1 của văn bản số 548/UBND-NL ngày 16/3/2020 của UBND về việc triển khai Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT địa bàn tỉnh năm 2020.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ sở đào tạo xây dựng, phê duyệt các chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo quy định.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định.

3. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố khảo sát, xác định nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin và truyền thông để cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 theo đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm hiệu quả.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền các chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT, các mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm hiệu quả tại địa phương; tuyên truyền việc lồng ghép Đề án đào tạo nghề cho LĐNT với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và chính sách tái hòa nhập cộng đồng cho người mãn hạn tù hoặc tha tù trước thời hạn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề, việc làm cho LĐNT; đẩy mạnh việc lồng ghép Đề án đào tạo nghề cho LĐNT với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và chính sách tái hòa nhập cộng đồng cho người mãn hạn tù hoặc tha tù trước thời hạn trên địa bàn.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn theo quy định, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm lao động có việc làm sau khi đào tạo nghề từ 80% trở lên; ưu tiên đào tạo cho người khuyết tật, người có công với cách mạng, người nghèo, người bị thu hồi đất, lao động nữ,... của địa phương; các địa phương có tiềm năng du lịch cần quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo nghề du lịch cộng đồng và các nghề liên quan đến du lịch để giải quyết việc làm tại chỗ gắn với phát triển du lịch trên địa bàn.

- Phân cấp quản lý và triển khai nguồn vốn đào tạo nghề cho LĐNT hợp lý, hiệu quả theo hướng:

+ Thẩm định và phê duyệt các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia riêng biệt, tránh kiểu “làm gộp” dễ dẫn đến chậm trễ; đồng thời phân khai vốn sớm, tránh trường hợp phê duyệt vốn đào tạo nghề cho LĐNT chậm dẫn đến triển khai không bảo đảm chất lượng hoặc không đạt chỉ tiêu.

+ Việc phân bổ vốn hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 ở cấp huyện phải phù hợp với giao nhiệm vụ để tránh dàn trải, có thể giao tập trung cho một phòng chuyên môn để thực hiện đặt hàng đào tạo nghề với cơ sở đào tạo theo quy định, các phòng liên quan phối hợp triển khai và quản lý theo chức năng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc huyện (nếu Trung tâm đủ điều kiện và năng lực đào tạo trên địa bàn).

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án; lồng ghép công tác đào tạo nghề nông nghiệp với các dự án phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT theo đúng quy định.

- Bố trí biên chế số lượng giáo viên dạy nghề hợp lý cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc; đẩy mạnh xã hội hóa đối với đội ngũ người dạy nghề trên cơ sở ban hành văn bản thành lập đội ngũ giáo viên thỉnh giảng gồm các cán bộ kỹ thuật đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc địa phương để hỗ trợ cho cơ sở đào tạo thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn; đồng thời bảo đảm cơ sở vật chất cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc để thực hiện đào tạo nghề theo kế hoạch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, định kỳ 6 tháng, 9 tháng, chốt số liệu năm kết quả triển khai thực hiện báo cáo về Ban Chỉ đạo Đề án 1956 cấp tỉnh. Riêng kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia học nghề; trong đó quan tâm đến việc vận động các đối tượng: người khuyết tật, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, người mãn hạn tù hoặc tha tù trước thời hạn.

- Phổ biến các chính sách, quy định về đào tạo nghề cho LĐNT; cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, địa chỉ nơi làm việc sau khi học, cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT để người lao động biết, tự lựa chọn nghề học phù hợp.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo tuyển sinh LĐNT học nghề.

- Thống kê số LĐNT có nhu cầu thực tế cần học nghề trên địa bàn; nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; tuyên truyền, tư vấn cho LĐNT lựa chọn nghề học phù hợp.

- Xác nhận vào đơn xin học nghề của người LĐNT trong xã về đối tượng theo quy định; tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng tại địa phương theo quy định; giúp người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc giải quyết việc làm sau học nghề.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn; theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm sau khi học nghề theo từng hình thức, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, số người chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ sau khi học nghề trên địa bàn (*theo Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 29/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020 thay thế Quyết định số 1582/QĐ-LĐTBXH ngày 02/12/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể tham gia vào việc tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT và giám sát các lớp đào tạo nghề tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, 9 tháng, chốt số liệu năm kết quả triển khai thực hiện báo cáo Ban chỉ đạo Đề án 1956 cấp huyện.

8. Các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Cơ sở thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT theo Kế hoạch phải có đủ các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định và được UBND các huyện, thị xã, thành phố giao nhiệm vụ hoặc được các phòng chuyên môn cấp huyện đặt hàng (hợp đồng đào tạo); cung cấp các thông tin về nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau khi học cho LĐNT để người lao động biết, tự lựa chọn nghề học phù hợp. Trong đó:

+ Cơ sở đào tạo trình độ sơ cấp phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với nghề đào tạo.

+ Cơ sở đào tạo dưới 3 tháng, hàng năm phải nộp hồ sơ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kiểm tra các điều kiện đảm bảo hoạt động đào tạo theo quy định, thông báo bằng văn bản về nghề đào tạo, quy mô đào tạo đối với từng nghề mới thực hiện đào tạo.

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, thi, cấp chứng chỉ, sử dụng hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo đúng quy định.

- Sử dụng, quản lý kinh phí đào tạo, chi trả hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho người học thuộc đối tượng quy định, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành; báo cáo tình hình, kết quả tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định.

- Phối hợp với địa phương phổ biến các chính sách, quy định về đào tạo nghề cho LĐNT; cung cấp các thông tin về ngành nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau khi học để người lao động biết, tự lựa chọn nghề học phù hợp.

- Chỉ tổ chức đào tạo nghề cho người lao động khi xác định được nơi làm việc và mức thu nhập với việc làm có được sau học nghề.

- Phối hợp với UBND xã theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của LĐNT do cơ sở đào tạo sau học nghề.

- Định kỳ 6 tháng, 9 tháng, chốt số liệu năm kết quả triển khai thực hiện báo cáo Ban Chỉ đạo Đề án 1956 cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo Đề án 1956 cấp huyện. Riêng kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, triển khai thực hiện. /*7/11/20*

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: LĐ-TB&XH; NN&PTNT; Tài chính; Công thương, TT&TT; KH&ĐT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Nữ Thu Hà